

ĐẠO PHẬT TẠI HOA-KỲ

Đạo Phật được truyền bá đến Hoa Kỳ qua những sách vở của người Tây phương viết về Phật giáo và qua những nhà truyền giáo Á Châu.

Trong khi các nước Tây phương như Anh, Pháp ... đi xâm chiếm thuộc địa vào các thế kỷ trước, những người thực dân ấy, có một số trí thức muốn tìm hiểu về nền văn minh, văn hóa Á Đông, cho nên họ đã tìm hiểu về tôn giáo như Phật giáo, Khổng giáo, Ấn giáo ... Do đó, Phật giáo đã được truyền vào các nước Tây phương ở những thập niên đầu của thế kỷ 19.

Thời đó có những học giả Tây phương phục vụ trong ngành thuộc địa, là cơ hội đưa họ đến với Phật giáo, trong số đó có những người đáng kể như ông William Jones (người Iran), ông Charles Wilkens (dịch giả người Anh, ông đã dịch Bhagavad Gita - Chí Tôn Ca từ Sanskrit sang Anh văn), ông A. Csoma de Koros (1784-1842) là nhà ngôn ngữ học người Hungary, ông Houghton Hodgson (người Anh), ông Eugene Burnouf (dịch giả Pali người Pháp), ông Henry S. Olcott (1832-1907) là người Mỹ, tác giả *Phật Giáo Vấn Đáp - The Buddhist Catechism* - xuất bản lần đầu tiên năm 1881, Sir Edwin Arnold (1832-1904) thi hào người Anh, tác giả thi phẩm bất hủ *Ánh Sáng Á Châu - The Light of Asia* - Xuất bản lần đầu tiên năm 1879.

Người có nhiệt tâm nhất, để truyền bá Đạo Phật tại Anh quốc cũng như Hoa kỳ có lẽ là T. W. Rhys Davids (1843-1922), ông là người Anh, một viên chức của Hoàng gia Anh, làm việc trong bộ máy thuộc địa của Nam Á, sau khi khám phá ra kho tàng Phật giáo ẩn tàng trong các bộ kinh Pali, ông quyết định chăm dứt con đường danh vọng, đi vào lãnh vực nghiên cứu kinh điển Phật giáo (ông có 4 bằng tiến sĩ: Triết học, Văn chương, Ngôn ngữ và Sử học). Năm 1882, ông cùng vợ là bà Caroline Augusta Davids thành lập tại Luân Đôn Hiệp Hội Thánh Điển Pali (Pali Text Society), đây là một tổ chức Phật giáo đầu tiên tại Anh quốc, với sự tham gia của nhiều học giả nổi tiếng Âu châu và Á châu để nghiên cứu và biên soạn, chuyển ngữ và in ấn kinh điển bằng tiếng Pali và Anh văn. Ông đã cho in Kinh Na Tiên năm 1890, Phật giáo lịch sử và văn học in năm 1896, Những pháp thoại của đức Phật in năm 1899, Phật giáo Ấn độ in năm 1903. Anagarika Dharmapala (1864-1933), người Tích Lan, môn đệ của Henry S. Olcott, đã thành lập Hội Maha Bodhi tại Ấn độ vào ngày 31-5-1891. Năm 1892, ông có xuất bản tờ Maha Bodhi, ông đã viết bài *Một thế giới Phật giáo thống nhất* - A United Buddhist World. Những bài khảo

cứu về Phật giáo của những học giả kể trên, và những tác phẩm đã nói, dĩ nhiên là đã được truyền sang và ảnh hưởng đến lớp trí thức Mỹ.

Tại Hoa kỳ có Ralph Waldo Emerson vào năm 1820, ông đã chủ trương tờ báo Journal với những bài viết về Ấn độ và châu Á, vào thập niên 30, ông đã viết những bài về Phật giáo, như về nhận thức nhân quả ông đã viết: *"Phật giáo là một triết thuyết siêu nghiệm, một hành vi tạo tác dù thiện, dù ác (nhân) đều tạo ra quả và không vượt khỏi luật nhân quả"*. Một bài với tựa là Buddhism, ông viết: *"Thực thể (hay chân ngã) là sự khẳng định bao la, không có tính phủ định, sự tự cân bằng, hóa giải hết mọi thứ quan hệ dính mắc ràng buộc ... Chân tâm không bị ràng buộc bởi tất cả mọi giới hạn. Trong con người nó luôn được xác định như sự lạc quan tích cực, ngược lại với sự bi quan tiêu cực."*

Còn Henry David Thoreau (1817-1862), ông đọc Bhagavad Gita do Charles Wilkens dịch rồi thấm nhuần tư tưởng, học thuật Ấn độ. Tháng 7 năm 1840, ông Emerson cùng bạn bè thành lập tờ báo Dial, ban biên tập có Thoreau làm phụ tá, năm ấy mới có 23 tuổi. Năm 1842, Thoreau làm phụ tá cho Emerson và năm 1844 ông đã giới thiệu cho độc giả Hoa kỳ bộ Kinh Pháp Hoa Saddhamanpundarika, kinh này ông dịch từ L'Introduction à l'Histoire du Bouddhisme Indien của Eugene Burnouf xuất bản tại Paris. Có bài ông đã viết: *"Những lời Phật nói là chân lý tối thượng mà người nghe có thể đạt đến chỗ đoạn diệt hoàn toàn mọi khổ đau; có thể đi theo con đường tốt nhất (Đạo Đế) để đạt được Phật tính và có thể thành Phật. Con đường tốt nhất để đạt được Phật tính là con đường thực hành thiền định"*. Ông đã có những lúc hành thiền trong một cabin nhỏ hẹp. Ông mất năm 1862. Năm 1866, John Weiss viết về ông như sau: *"Sắc diện trầm tĩnh của Thoreau không có một vết hằn nào diễn tả sự khát vọng hay sự bất mãn; tình cảm và cảm xúc do ảnh hưởng bên ngoài không làm phiền và bào mòn được nó. Ông sống như một nhà sư Phật giáo với mong muốn sớm đạt được đỉnh cao của đời sống thiền định"*.

Lại còn có nhà thơ Walt Whitman cũng tiếp nhận nhiều quan điểm của Phật giáo, họ cùng sanh hoạt trong Câu Lạc Bộ Tiên Nghiệm, họ đã truyền bá tư tưởng thiền của Phật giáo đến với quần chúng Mỹ thời bấy giờ, họ đã gieo mầm móng để người Mỹ ưa chuộng con đường thiền của Phật giáo sau này.

Về các nhà truyền giáo Á châu tại Hoa kỳ, ngày nay người ta được biết có pháp sư Hui Shan và bốn người

gốc Kabul ở Afganistan đã đến Canada, Mỹ và Mexico để truyền bá đạo Phật vào năm 458. Ở lại Canada 3 vị Tăng đệ hành đạo, còn Hui Shan và một vị Tăng nữa đã đến Trung Mỹ để truyền giáo trong 40 năm, sau đó vì gặp khó khăn với thổ dân, Hui Shan trở về Trung Hoa năm 499. Năm 502, ông được vua Lương Võ Đế tiếp kiến và giao cho Du Kỳ tiếp xúc với Hui Shan để ghi nhận sự kiện truyền bá đạo Phật ở nước ngoài. Sự kiện này sử gia đời Tống Mã Đoan Lâm có ghi lại trong Văn Hiến Thông Khảo. Nhưng công cuộc truyền bá Phật giáo của Hui Shan không có ảnh hưởng gì đến Phật giáo Hoa Kỳ ngày nay.

Vào tháng 9 năm 1893, tại Chicago có tổ chức lần đầu tiên một Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới thuộc tổ chức The World Parliament of Religion do tiến sĩ J. H. Barrows làm chủ tịch đương thời, Tổ chức này đã mời Pháp sư Anagarika Dharmapala, người Tích Lan đang khôi phục thành tích Bồ Đề Đạo Tràng tại Ấn độ. Cũng mời Thiền sư Nhật bản Soyen Shaku, mặc dù thiền sư không biết nói tiếng Anh.

Anagarika Dharmapala (1864-1933):

- Ông đến Hoa kỳ dự Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới có mang theo một viên ngọc Xá Lợi, một tượng Phật nhỏ và 20 ngàn quyển Ngũ giới (Five Precepts) để tặng Đại Hội. Sau khi Đại Hội bế mạc ngày 26-9-1893, ông được mời giảng tại hội trường Athenaeum với chủ đề Phật Giáo và Thông Thiên Học, ngày 10-10-1893, ông xuống tàu về nước. Trên đường về ông có ghé thăm Nhật bản, Hawaii và Trung quốc.
- Năm 1896 Dharmapala trở lại Hoa kỳ theo lời mời của tiến sĩ Paul Carus, người Phật tử Đức, sống tại Hoa kỳ. Lần này ông thuyết pháp tại các thành phố New York, Chicago, San Francisco, Grand Rapids, Cincinnati, Duluth, Minneapolis, Iowa City, Des Moines, Dayton và Columbus. Đề tài được yêu cầu thuyết trình nhiều lần là "*Sự Hòa Giải của Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo*".
- Năm 1897, lần đầu tiên Dharmapala tổ chức lễ Phật Đản đầu tiên trên đất Mỹ. Ba mươi bảy ngọc đèn tượng trưng cho 37 phẩm trợ đạo được thắp sáng và chừng 400 Phật tử người Mỹ đã thành kính lắng nghe Ngài tụng kinh Magala từ bản chép tay trên lá bối.

- Chuyến thứ ba trở lại Mỹ từ năm 1902 đến 1904, ngài đi thuyết pháp nhiều nơi. Đặc biệt đã cảm hóa được giáo sư William James thuộc đại học Harvard.
- Năm 1925 ngài đi Anh quốc, rồi ghé Mỹ cuối cùng. Ngài đã viên tịch ngày 16-1-1933 tại Ấn độ. Trước đó ngài đã xuất gia và thọ cụ túc giới ở Tích Lan. Do sự tranh đấu của Ngài, sau khi Ấn độ độc lập, Bồ Đề Đạo Tràng đã được trả lại cho Phật giáo.

Thiền sư Soyen Shaku (1851-1919):

- Ông xuất gia năm 1871. Năm 1884 theo học tại Đại Học Keio. Năm 1887 sang Tích Lan học Pali và tu hành như Tăng sĩ Tích Lan. Ngài đã gặp và quen biết với Đại tá Olcott, do đó ngài được mời tham dự Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới năm 1893 tại Chicago. Vì không biết nói tiếng Anh nên ngài viết bài tham luận Luật Nhân Quả của Đạo Phật nhờ sinh viên Daisetz Teitaro Suzuki (sau này là tác giả Thiền Luận) dịch ra Anh văn và nhờ Tiến sĩ Barrows đọc hộ. Sau đại hội, tiến sĩ Carus mời ông và hai vị Tăng Nhật bản khác đến nhà nghỉ của ông ở Lasalle, Illinois. Ở đây, họ đã thảo luận về tôn giáo, triết học và Soyen giúp đọc lại bản thảo của Carus "Lời giáo huấn của Đức Phật".
- Tháng 6 năm 1905, thiền sư Soyen trở lại Mỹ theo lời mời của thương gia Alexander Russel. Lần này có hai đệ tử đi theo ngài là D.T. Suzuki và Nyogen Senzaki. Sau chuyến hoằng pháp, ngài trở về Nhật bản và viên tịch tại chùa Engakuji vào năm 1919, thọ 68 tuổi.

Thiền sư Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966):

- Ông có bằng cấp tiến sĩ, là giáo sư của nhiều trường đại học Mỹ, Nhật và Âu châu, là tác giả, dịch giả của hơn 100 tác phẩm Anh ngữ hay Nhật ngữ, được xem là người có công đầu trong việc hoằng truyền thiền Lâm Tế tại Mỹ. Ông sinh trong một gia đình hành thiền Rinzaï, theo học thiền công án với thiền sư Kosen, thiền sư tịch năm 1892, ông lại theo học thiền với thiền sư Soyen Shaku, người kế thừa sự nghiệp của thiền sư Kosen.

- Sau khi tốt nghiệp khoa triết ở đại học Tokyo, Suzuki được thiền sư Soyen khuyến khích sang Mỹ du học và phụ giúp tiến sĩ Paul Carus trong việc hoằng dương chánh pháp tại Mỹ, lúc đó Carus đang làm chủ bút tờ báo Open Court ở Lasalle. Trước tiên, Suzuki giúp Carus trong việc dịch quyển Đạo Đức Kinh, tiếp theo là dịch phẩm Sự Thức Tỉnh Của Niềm Tin (Awakening of Faith) của Ashvagoska. Ông bắt đầu viết tác phẩm đầu tiên là Đại Cương về Phật Giáo Đại Thừa (Outlines of Mahayana Buddhism), trong thời gian này ông vừa dịch sách vừa học Pali và Sanaskri.
- Suzuki ở Lasalle trong thời gian 11 năm để học, dịch thuật, nghiên cứu, viết sách và thỉnh thoảng làm thông dịch cho thiền sư Soyen khi người đến Mỹ hoằng pháp.
- Năm 1902, ông trở về Nhật kết hôn với Beatrice Erskinelane, một hội viên Thông Thiên Hịch. Vợ chồng ông sống trong căn nhà nhỏ gần thiền viện Engaku cho đến khi Soyen viên tịch năm 1919, ông mới dọn đến Tokyo. Ông dạy triết học và tôn giáo học tại đại học Otari. Tại đây, ông thành lập hội Nonsectarian Mahayana và phát hành tờ báo Phật Giáo Phương Đông. Năm 1927 ông cho xuất bản quyển Thiền Luận (Essays in Zen Buddhism).
- Năm 1936, Suzuki được mời dạy tại Anh quốc. Tại đây ông gặp Alan Watts, một phụ nữ trẻ tuổi, về sau viết nhiều sách thiền và chủ trương tờ Buddhism in England. Ông đã hướng dẫn Alan đến Nhật học thiền.
- Năm 1949, ông đến Honolulu để tham dự Đại hội các Triết gia Đông và Tây lần thứ 2. Tại đây ông gặp Philip Kapleau, đã hướng dẫn vị này xuất gia và tu học tại Nhật bản từ năm 1953.
- Năm 1953, Suzuki được mời dạy tại đại học Columbia, New York. Lúc này ông nổi tiếng về sách thiền, các buổi giảng và hành thiền của ông. Phong trào học hỏi và hành thiền của người Mỹ bắt đầu từ đây.
- Năm 1957, Đại hội Thiền và Phân Tâm Học tổ chức tại Mỹ, Suzuki là một đại biểu nổi bật. Trong năm này ông nghỉ dạy ở Columbia, sau đó được mời giảng ở các đại học Massachusettes, Cambridge, Harvard.

- Năm 1959, Hội Phật giáo Cambridge được thành lập, ông được mời giữ chức Chủ Tịch. Ba năm sau ông trở về Nhật Bản tiếp tục dịch và viết sách.
- Suzuki mất năm 1966 tại thiền viện Kamakura, hưởng thọ 96 tuổi. Ông là người có ảnh hưởng sâu rộng về Thiền ở Mỹ cũng như các nước khác. Sự nghiệp của ông là công nghiệp của vị Bồ Tát đã hoằng truyền Phật pháp tại Tây phương.

Pháp sư Tuyên Hóa (1908-1995):

- Pháp sư được xem là nhà truyền bá Phật giáo Trung Hoa thành công nhất tại Mỹ vào cuối thế kỷ 20. Pháp sư sinh năm 1908 tại miền Đông Bắc Trung Hoa, lên 11 tuổi xuất gia, năm 1947 cầu pháp với Hư Vân Hòa Thượng, được phú pháp là tổ thứ 9 của dòng thiền Quy Ngưỡng.
- Năm 1959, Ngài lên đường sang Mỹ để hoằng pháp tại San Francisco. Ngài thiết lập một thiền đường và tổ chức tu học cho Phật tử.
- Năm 1969, ngài nhận cho 5 người Mỹ xuất gia tu học. Đó là bước đầu ngài thành lập Tăng đoàn Tây phương. Cũng trong năm này, ngài lập hội Dịch Kinh, một tổ chức chuyên phiên dịch và in ấn kinh điển, đã xuất bản trên 200 dịch phẩm.
- Năm 1970, ngài kiến tạo tu viện Kim Sơn ở San Francisco là một kiến trúc có 3 tầng.
- Năm 1972, ngài là Hòa Thượng đầu đàn truyền giới tại Mỹ đầu tiên, có 200 Tăng, Ni ở Mỹ và các nước khác đến thụ giới.
- Năm 1974, ngài đã mua một bệnh viện tâm thần cũ của Mỹ tại California, diện tích 488 mẫu, kiến trúc này được xây từ 1930, có 70 tòa nhà, 2000 phòng. Toàn khu có thể chứa 20 ngàn người. Đây là một tu viện Phật giáo lớn nhất tại Mỹ, trang bị hiện đại, được ngài đặt tên là Vạn Phật Thánh Thành (City of Ten Thousand Buddhas).
- Pháp sư Tuyên Hóa cũng nổi danh về đức khiêm cung vô ngã và lòng từ bi vô biên đối với chúng sanh. Ngài viên tịch ngày 10 tháng 5 năm Ất Hợi (7-6-1995) tại Vạn Phật Thánh Thành, California, Hoa kỳ.

Thiền sư Soen Sa Nim:

- Ngài là thiền sư Đại Hàn đầu tiên hoàng pháp tại Mỹ. Ngài xuất gia năm 1949, du học 9 năm ở Nhật bản và Hồng Kông. Năm 1972, ngài đến Los Angeles, nơi có cộng đồng người Đại Hàn sinh sống. Bước đầu tại Mỹ ngài phải sống vất vả, đi làm tại một cửa hàng giặt ủi để có tiền đi học Anh văn, trả tiền nhà và thức ăn. Ngài được giáo sư Leo Prudes, dạy ở phân khoa Phật học tại đại học Browns mời giảng cho sinh viên của ông. Dịp này, ngài được hai sinh viên Mỹ mời về nhà dạy thiền cho họ. Sau đó ngài thành lập trung tâm thiền Providence ở Rhode Island.
- Năm 1974, ngài đi giảng pháp ở khắp nước Mỹ, dạy cho người Mỹ tụng kinh, niệm Phật, niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Tiếp đó, ngài xây chùa Tah Mah Sahl ở Los Angeles; Trung tâm thiền Quốc tế ở New York, Trung tâm thiền ở Cambridge ... để có nơi cho người Đại Hàn và Mỹ tu học. Nhờ ngài mà nhiều người Mỹ tìm đến Đại hàn để tu học, nghiên cứu Phật giáo.

Lạt Ma Thubten Yeshe (1935-1984):

- Ngài sinh vào tháng 5 năm 1935 tại ngoại ô thủ đô Lhasa của Tây Tạng, lên 6 tuổi ngài xuất gia và trải qua 20 năm tu luyện tại tu viện Sera ở Lhasa.
- Năm 1959, ngài ty nạn sang vùng Đông Bắc Ấn Độ, tại đây ngài học Anh văn. Năm 1961, ngài thu nhận đệ tử đầu tiên là quận chúa Zina Rachevsky người Nga. Gia đình quận chúa này bị nạn ở California, giàu có, cô đã hư hỏng vì sự giàu sang đó, đã sống một thời bê tha, trác táng với nhóm nghệ sĩ và Hippie. Khi đến Ấn Độ, cuộc đời đã dun rùi cô gặp Lạt Ma Yeshe. Sau 9 tháng học hỏi giáo lý, cô xuất gia và đến Nepal tu học. Tại đây, sư cô Zina đã mua một khu đất và kiến tạo tu viện Kopan tại thủ phủ Kathmandu. Sau 3 năm nhập thất tu tập, sư cô Zina đã qua đời ở tuổi 42.
- Tháng 11 năm 1971, Lạt Ma Yeshe mở khóa tu Lam Rim (Tiệm Đạo) dành cho 250 người Tây phương đến tu học. Trong khóa này có cô Max Mathews (người Mỹ) và ông Nick Ribush (người Úc) xuất gia.
- Năm 1974, Lạt Ma Yeshe, Lạt Ma Zopa và sư cô Max Mathews đến Indiana (Mỹ) thăm nhóm

thiền sinh Lois - Bois Wood (những người đã đến Ấn Độ tu học), sau đó đến Úc và lập tại Queensland một viện Quan Âm, đây là trung tâm Phật giáo Tây Tạng đầu tiên, khởi đầu cho các trung tâm khác ở Âu châu, Mỹ châu.

- Tháng 11 năm 1975, tại California, Lạt Ma Yeshe tuyên bố thành lập Hội Bảo Tồn Phật Giáo Đại Thừa (Foundation for The Preversation of The Mahayana Teachings, viết tắt FPMT), tổ chức này phát triển rất nhanh, đến nay đã có trên 100 chi nhánh ở 20 quốc gia như Nepal, Ấn Độ, Anh, Mỹ, Pháp, Úc, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Hà Lan, Ba Tây, Hy Lạp, Nhật Bản, Đài Loan... Ngoài ra còn có một nhà xuất bản rất thành công là Wisdom Publication ở Massachusetta và một Phật học viện ở Toulouse, Pháp cung cấp một chương trình tu học đa diện cho các Tăng sĩ phương Tây.
- Ngày 3-3-1984, ngài viên tịch vì bệnh tim tại Los Angeles, thọ 49 tuổi. Sự nghiệp của ngài giao lại cho Lạt ma Zopa. Sau này người ta tìm được hóa thân của ngài là Osel Hita Torres, sinh ngày 12-2-1985 tại Bubion, Tây Ban Nha. Hiện nay Lạt Ma Osel đang tu học tại tu viện Sera ở miền Nam Ấn Độ.

Hòa Thượng Thích Thiên Ân (-1980):

- Tên thật là Đoàn Văn An, người Thừa Thiên, con của Thượng Tọa Thích Tiêu Diêu, người đã tự thiêu trong cuộc pháp nạn năm 1963 tại Huế. Ngài xuất gia từ nhỏ, năm 1953 sang Nhật bản du học, tốt nghiệp tiến sĩ văn chương tại đại học Waseda, Tokyo vào năm 1963. Năm 1964, ngài về nước, làm giáo sư tại Đại Học Văn Khoa thuộc viện Đại Học Saigon, là Khoa trưởng Phân Khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn đầu tiên của Viện Đại Học Vạn Hạnh.
- Năm 1966, trong chương trình trao đổi giáo sư giữa các Đại học Việt nam và Hoa Kỳ, ngài sang dạy ngôn ngữ và triết học tại đại học UCLA, sau đó ngài là giáo sư chính thức tại LACC.
- Tại Nhật Bản, ngài học theo truyền thống Rinza, Nhật bản; nên ở Mỹ, do yêu cầu của sinh viên, ngài thuê một căn nhà ở Hollywood để hướng dẫn sinh viên Mỹ tu thiền. Năm 1970, ngài thành lập Trung Tâm Thiền Học Quốc Tế (International Buddhist Meditation Center) tại phía nam đại lộ Vermont, Los Angeles. Ngay từ đầu đã có nhiều

sinh viên Mỹ xin xuất gia tu học, nổi bật có sư cô Karuna Dharma, tiền sĩ Phật học, sau này là một trong những người kế thừa sự nghiệp của ngài.

- Năm 1973, ngài tổ chức giới đàn để truyền giới Tỳ kheo (250 giới), Tỳ kheo ni (348 giới) và Pháp sư (25 giới) được trao cho y vàng và một tọa cụ. Cũng năm này, ngài cùng với các nhà giáo dục Mỹ, Nhật, Đại Hàn, Tây Tạng, Tích Lan thành lập Viện Đại Học Đông Phương tại Los Angeles, California, Hoa Kỳ.
- Năm 1975, làn sóng người Việt tỵ nạn tại Hoa Kỳ, ngài cùng với hội Ai Hữu Phật Tử Việt Mỹ đã mua ngôi nhà để làm chùa Phật Giáo Việt nam tại Los Angeles, đến năm 1976 ngài mua một cơ sở khác để làm chùa A Di Đà.
- Vào các ngày 29, 30 và 31 tháng 12 năm 1978, tại Los Angeles, dưới sự chủ trương của ngài, một Đại Hội Phật Giáo gồm 14 phái đoàn thuộc các tiểu bang tại Hoa Kỳ, một phái đoàn Phật Giáo Ấn Độ, qui tụ 50 đại biểu, đã thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam.
- Ngài chủ trương một tạp chí lấy tên Phật Giáo Việt Nam, đến nay tạp chí này vẫn còn tiếp tục ấn hành.
- Ngày 6 tháng 5 năm 1979, một Đại Hội Tăng Già Phật Giáo Việt Nam tổ chức tại chùa Giác Hoàng ở Washington DC, mặc dù ngài khiêm diện, Đại Hội cũng đã tôn vinh ngài lên ngôi vị Hòa Thượng.
- Năm 1980, ngài mua 80 mẫu đất ở đường Glandale và Fwy 5 tại Los Angeles để làm Đại Tông Lâm cho Phật Giáo Việt Nam.
- Do ung thư gan, Hòa Thượng Thích Thiên Ân đã viên tịch ngày 23-11-1980. Công nghiệp của ngài vẫn được nhiều người kế thừa và người ta tôn vinh ngài là một vị Sơ Tổ của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ hiện nay có đến 6 Giáo Hội, chưa kể 3 Giáo Hội Thế Giới. Giáo Hội lâu đời nhất là Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam được thành lập ngày 31-12-1978 tại Los Angeles, nay do Hòa Thượng Thích Mãn Giác làm Hội Chủ, Giáo Hội mạnh nhất là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ thành lập ngày

27-9-1992, do Hòa Thượng Thích Hộ Giác làm Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành.

Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ có hơn 100 ngôi chùa rải rác các tiểu bang, nhưng tập trung nhiều nhất là California, có chừng trên 300 Tăng Ni.

Cơ quan ngôn luận có tạp chí Phật Giáo Việt nam, Phật Giáo Hải Ngoại, Trúc Lâm, Hoa Sen. Có nhà xuất bản Phật Học Viện Quốc Tế, Lá Bối, Sinh Thức. Có chương trình phát thanh Phật Giáo ở California. Trang nhà thuộc Phật Giáo Việt Nam trên Internet có rất nhiều.

Ngoài ra có cộng đồng người Thái, Lào, Miên đều có riêng tu viện và Tăng sĩ để họ tu học và hành lễ theo nghi thức riêng của Phật giáo nước họ.

Thiền sư người Mỹ Philip Kapleau (1912-):

- Ông sinh ra trong gia đình có đạo Tin Lành. Ông học luật. Sau khi tốt nghiệp, ông làm thư ký nhiều năm ở Tòa Án Liên Bang Mỹ. Sau thế chiến thứ hai (1939-1945), ông được chỉ định làm báo cáo viên tại hai Tòa Án Quốc Tế tại Nurember ở Đức và Tokyo ở Nhật Bản.
- Ở các phiên tòa tại Tokyo, Kapleau nhận thấy người Nhật có thái độ chấp nhận hậu quả chiến tranh với sự điềm tĩnh, qua đó, ông thấy người Nhật chịu ảnh hưởng tôn giáo, chấp nhận cuộc đời, tất cả những thứ đó kích thích, thúc bách ông tìm hiểu. Sau khi gặp Suzuki, Phật giáo đã cuốn hút tâm hồn ông, vì giáo lý cao siêu, thực tiễn.
- Năm 1953, ở tuổi 44, ông đã thôi việc. Theo lời hướng dẫn của Suzuki, ông đến Nhật Bản để tìm sư học đạo. Ông không biết tiếng Nhật nên việc thu nhận vào thiền viện gặp nhiều khó khăn. Cuối cùng, thiền sư Soen tiếp nhận ông vào tu tại thiền viện Phát Tâm (Hosshinji).
- Đây là vị Tăng đầu tiên người Mỹ. Sau 13 năm tu học tại Tokyo với thiền sư Soen ở chùa Hosshinji, rồi học thiền với thiền sư Yasutani, năm 1958 ông đã ngộ đạo và được thiền sư Yasutani ấn chứng ban cho danh hiệu Lão sư (Roshi), một danh hiệu chỉ ban cho ai đã chứng ngộ. Ông đã ghi chép những lời giảng về thiền của Yasutani thành tác phẩm nổi tiếng là Ba Trụ Thiền (Three Pillars of Zen) in tại Nhật Bản năm 1965.

- Năm 1966 Kapleau trở về Mỹ thành lập trung tâm thiền Rochester ở New York. Thập niên 70, ông đi khắp nước Mỹ để truyền bá pháp tu thiền. Ông cũng được mời đến Canada, Mexico, Costa Rica, Đức, Pháp và Ba Lan. Phong cách bình dị, phẩm hạnh cao trội khẳng định thêm giá trị ba trụ thiền. Thiền đã được phổ biến rộng khắp và đi sâu vào từng tâm thức cá nhân. Người ta đổ xô đến trung tâm Rochester để tu thiền.
- Năm 1980, ông cho ấn hành tác phẩm nổi tiếng khác: Thiền, Ánh Bình Minh ở Phương Tây (Zen Dawn in the West).
- Ông là một thiền sư Mỹ nổi tiếng, ảnh hưởng của ông lan rộng vùng Đông Bắc Mỹ. Ngoài Kapleau ra, cũng còn nhiều vị Tăng Mỹ danh tiếng khác.

Kết quả ngày nay đã mang đến cho nước Mỹ một nền Phật giáo như sau:

- Có hơn 30 hội đoàn Phật giáo lớn được thành lập tại Mỹ, nổi bật trong đó là Hội Thanh Niên Phật Tử (Young Men Buddhist Association), thành lập năm 1896; Hội Phật Giáo Bắc Mỹ (The North American Buddhist Mission) thành lập năm 1899; Hội Phật Giáo Mỹ Quốc (The Buddhist Churches of America) thành lập năm 1905; Tổng Hội Pháp Giới Phật Giáo (The Dharma Realm Buddhist Association) ra đời năm 1969; Hội Bảo Tồn Phật Giáo Đại Thừa (The Foundation for The Perservation of Mahayana Teachings) thành lập năm 1975 ...



- Có trên 1000 tự viện, tịnh thất, niệm Phật đường, trung tâm tu học trên khắp nước Mỹ và có khoảng 10 triệu Phật tử hay tự nhận mình là Phật giáo.
- Có trên 15 Đại học Hoa Kỳ có Phân khoa Phật học, cấp bằng Phật Học được cấp phát từ Cử nhân đến Tiến sĩ.
- Có 6 nhà xuất bản tại Hoa Kỳ: Snow Lion, Wisdom Publication, Asian Humanities Press, Motilai Banaridass, Harper & Row, Shambhala.
- Có hơn 10 tờ báo ấn hành tại Hoa Kỳ, nổi bật nhất có tạp chí Tricycle Buddhist Review, tạp chí Mandala, tạp chí Shambhala Sun, tạp chí Turning Wheel..
- Tài liệu giáo lý kinh sách đã được đưa vào Internet từ năm 1993.

Thiền như một luồng gió mát, mang đến cho người Mỹ sự thích hợp để tu tập, thêm vào đó trong những năm gần đây, người Mỹ đã nhen nhúm lòng tin rằng con người có luân hồi. Phật giáo sẽ mang lại cho người Mỹ đầy ý nghĩa nhân sinh, giải quyết thỏa đáng cho họ mọi thắc mắc về cuộc đời trong tinh thần tự do và phù hợp với khoa học.

Không riêng gì tại Hoa Kỳ, Phật giáo ở các nước Tây phương có tiền đồ ngày càng sáng lạn.

Chính Hạnh

